

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05/7/2023 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 42/2023/TLST-DS ngày 08/5/2023 về “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q D (viết tắt: *Ngân hàng Q D*); địa chỉ: Số 28C, 28D phố B Tr, phường H B, quận H K, thành phố H N.

Người đại diện theo pháp luật: Bà B Th Th H - Chủ tịch HĐQT Ngân hàng QD.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ph Th H – Phó phòng phụ trách tố tụng xử lý nợ - Trung tâm xử lý nợ Ngân hàng Q D (theo giấy ủy quyền số 56 ngày 24/4/2023).

Người được bà H ủy quyền lại: Bà Tr L Ph U – Chuyên viên xử lý nợ của Ngân hàng Q D (theo giấy ủy quyền số 192 ngày 10/5/2023).

- *Bị đơn*: Ông Đ V T, SN 1965 và bà V Th H, SN 1968; cùng địa chỉ: thôn Y Th, xã T Th, huyện M L, thành phố H N.

Đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Đ V T, SN 1965; địa chỉ: thôn Y Th, xã T Th, huyện M L, thành phố H N.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Cụ Đ Ng C, SN 1940; anh Đ V Qt, SN 1981; anh Đ V H, SN 1988; anh Đ V H 1, SN 1991; Ph Th Th Nh (vợ anh H), SN: 1989; Ng Th H (vợ anh H), SN: 1997; Đ M Kh, SN: 2014; Đ M Ch, SN: 2016 (Kh, Ch là con anh H); Đ B D, SN 2015; Đ B L, SN: 2018 (D, L là con anh H1). Cùng địa chỉ: Th Y Th, xã T Th, huyện M L, thành phố H N.

Đại diện theo ủy quyền của cụ C, anh Q, anh H, anh H1, chị Nh, chị H: Ông Đ V T, SN 1965; địa chỉ: thôn Y Th, xã T Th, huyện M L, thành phố H N.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Đ V T và bà V Th H phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q D (viết tắt: Ngân hàng Q D) số tiền nợ tạm tính đến ngày 04/7/2023 số tiền là: 275.303.857đ (Hai trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm linh ba nghìn tám trăm năm mươi bảy đồng). Trong đó: Nợ gốc: 167.524.217 đồng; nợ lãi trong hạn: 91.293.483 đồng; nợ lãi quá hạn: 7.229.625 đồng; nợ lại chậm trả lãi: 9.256.532 đồng theo Hợp đồng cho vay số 026/2017/HDCV/9339 ngày 10/02/2017 được ký giữa: Ngân hàng Q D – Chi nhánh H N với ông Đ V Tn và bà V Th H.

** Hai bên thỏa thuận lộ trình trả nợ như sau:*

- Chậm nhất ngày 25/7/2023, ông Đ V T và bà V Th H phải trả cho Ngân hàng Q D số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) - Ưu tiên trả vào nợ gốc;

- Chậm nhất ngày 30/8/2023, ông Đ V T và bà V Th H phải trả tất toán toàn bộ khoản vay đối với Ngân hàng Q D với tổng số tiền là 125.303.857đ (một trăm hai mươi lăm triệu ba trăm linh ba nghìn tám trăm năm mươi bảy đồng). Trong đó: Nợ gốc 17.524.217 đồng; nợ lãi trong hạn: 91.293.483 đồng; nợ lãi quá hạn: 7.229.625 đồng; nợ lại chậm trả lãi: 9.256.532 đồng.

** Đối với lãi suất: Kể từ ngày (05/7/2023) ông T và bà H vẫn phải trả cho Ngân hàng Q D lãi phát sinh của khoản vay trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 026/2017/HDCV/9339 ngày 10/02/2017 được ký giữa: Ngân hàng Q D – Chi nhánh H N với ông Đ V T và bà V Th H.*

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông T và bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ theo đúng lộ trình nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng Q D có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là: Thửa đất số 760; tờ bản đồ số 16; địa chỉ: Thôn Y Th, xã T Th, huyện M L, TP. H N. Đất đã được UBND huyện Mê Linh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 363880 cho hộ ông Đ V T ngày 29/07/2011 và toàn bộ công trình xây dựng khác được xây dựng trên đất (kể cả tài sản phát sinh sau khi thế chấp) theo Hợp đồng thế chấp số 026/2017/HĐTC/9339 ngày 10/02/2017, đã công chứng số 596.2017/HĐTC; Quyền số: 21TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Gi Kh, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông T, bà H với Ngân hàng Q D. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông T, bà H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng Q D cho đến khi trả hết nợ.

2.2. Về chi phí tố tụng: Ông T và bà H tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng là 7.000.000đ (bảy triệu đồng). Do Ngân hàng Q D đã nộp tạm ứng, nên ông T và bà H phải trả cho Ngân hàng Quốc Dân số tiền này.

2.3. Về án phí:

- Ông T và bà H tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.880.000đ (sáu triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho Ngân hàng Q D số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 11.600.000đ (*mười một triệu sáu trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0021063 ngày 28/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Mê Linh;
- Chi cục THADS huyện Mê Linh;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Việt Phương